

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Lê Khải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND
huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà
Hoàng Thị Thùy Dung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 N 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô
tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số: 71/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS,
ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phuong Thị N – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, khu 10, phường M, Tp. Móng C, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Ông Chương Văn Q – Có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Nam N, xã Nam N ĐR, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, quá trình giải quyết vụ án bà Phong Thị N trình bày trình bày:

Bà Phong Thị N và ông Chương Văn Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam N Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q không lo làm ăn, đi uống rượu say về đánh đập bà. Bà N chịu đựng đến năm 2019 thì mâu thuẫn càng trầm trọng, đỉnh điểm là ông Q đi uống rượu về hút thuốc rồi dí vào cổ của cháu Chương Văn D, bà N nhận thấy nếu tiếp tục sống chung thì sẽ gây nguy hiểm cho bà và các con nên bà N đưa các con về sinh sống cùng bố mẹ tại tỉnh Quảng Ninh. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, bà N yêu cầu tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Chương Văn Q.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, bà N có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chương Văn D, sinh ngày 05/11/2008 và Chương Thị Nguyệt A, sinh ngày 05/02/2012 đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên cháu D có nguyện vọng muốn ở cùng với ông Q, nên bà N đồng ý sẽ giao cháu Chương Văn D, sinh ngày 05/11/2008 cho ông Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chương Thị Nguyệt A, sinh ngày 05/02/2012 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2022, bị đơn ông Chương Văn Q trình bày:

Ông Q thừa nhận mối quan hệ hôn nhân của ông bà đúng như lời trình bày của bà N. Ông Q trình bày vợ chồng ông có cãi nhau, đánh đập nhau nhưng ông cho rằng mâu thuẫn không lớn, ông không hiểu lý do vì sao từ năm 2019 bà N tự ý bỏ đi, đưa theo các con đi cùng. Ông không biết bà N đi đâu, làm gì, không liên lạc được, ông cũng không biết lý do vì sao bà N yêu cầu ly hôn. Ông không bỏ bà N nên ông không đồng ý ly hôn. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và giải quyết vắng mặt ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phong Thị N ly hôn với ông Chương Văn Q.

Về con chung: Giao con chung Chương Văn D, sinh ngày 05/11/2008 cho ông Chương Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Chương Thị Nguyệt A, sinh ngày 05/02/2012 cho bà Phong Thị N trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Phong Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 bản sao sổ hộ khẩu; 02 bản sao giấy khai sinh; 01 bản sao chứng minh nhân dân; 01 bản sao căn cước công dân; 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phong Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn ông Chương Văn Q có nơi cư trú tại thôn Nam N, xã Năm N’Đir, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2007 và biên bản xác minh ngày 15/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Năm N’Đ thể hiện bà Phong Thị N và ông Chương Văn Q có đăng ký kết hôn và điểm chỉ tại Ủy ban nhân dân xã Năm N’Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 03/11/2008. Do đó, hôn nhân giữa bà Bà Phong Thị N và ông Chương Văn Q là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 15/6/2022 tại thôn Nam N, xã Năm N’Đ thể hiện: Chính quyền địa phương không biết giữa ông Q và bà N có mâu thuẫn gì không. Tuy nhiên, ông Q thường xuyên uống rượu say xỉn là có thật. Từ năm 2019 đến nay bà N và ông Q không còn chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc ông Q không lo làm ăn, uống rượu thường xuyên ảnh hưởng trực tiếp đến

sức khỏe bản thân, làm giảm sút kinh tế gia đình, bà N khuyên bảo ông Q đã không thay đổi mà còn đánh đập bà N. Ông bà không chung sống với nhau thời gian đã lâu, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, xa cách. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà N và ông Q không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phuong Thị N, giải quyết cho bà Phuong Thị N ly hôn ông Chương Văn Q.

[2.2]. Về con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/6/2022, cháu Chương Văn D, sinh ngày 05/11/2008 có nguyện vọng được ở cùng với ông Q, cháu Chương Thị Nguyệt A, sinh ngày 05/02/2012 có nguyện vọng được ở cùng với bà N. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, bà N có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên cháu D có nguyện vọng muốn ở cùng với ông Q, nên bà N đồng ý sẽ giao cháu D cho ông Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A đến tuổi trưởng thành.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2022 thể hiện ông Q không có tài sản là quyền sử dụng đất hay có tài sản gì khác. Hội đồng xét xử xét thấy các con chung của ông Q và bà N chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đây là quyền và cũng là nghĩa vụ trách nhiệm của người bố, người mẹ không phụ thuộc vào việc bố mẹ có tài sản để nuôi con hay không. Việc giao con chung cho cả ông Q và bà N mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của cả hai người, phù hợp với nguyện vọng của cháu Chương Văn D. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cháu Chương Văn D, sinh ngày 05/11/2008 cho ông Chương Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Chương Thị Nguyệt A, sinh ngày 05/02/2012 cho bà Phuong Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn ông Q và bà N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Trong trường hợp các đương sự lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phoong Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình N 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phoong Thị N.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phoong Thị N ly hôn với ông Chương Văn Q.

b. Về con chung: Giao con chung Chương Văn D, sinh ngày 05/11/2008 cho ông Chương Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Chương Thị Nguyệt A, sinh ngày 05/02/2012 cho bà Phoong Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn ông Q và bà N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Trong trường hợp các đương sự lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

2. Về án phí: Bà Phoong Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Phoong Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003307/BL-THA, ngày 02/6/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện K (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Năm N’Đir;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu**